Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8474.31.10

Mã HS	8474.31.10
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để phân loại, sàng lọc, phân tách, rửa, nghiền, xay, trộn hoặc nhào đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác, dạng rắn (kể cả dạng bột hoặc dạng nhão); máy dùng để đóng khối, tạo hình hoặc đúc khuôn các nhiên liệu khoáng rắn, bột gốm nhão, xi măng chưa đông cứng, thạch cao hoặc các sản phẩm khoáng khác ở dạng bột hoặc dạng nhão; máy để tạo khuôn đúc bằng cát / - Máy trộn hoặc nhào: / - - Máy trộn bê tông hoặc nhào vữa: / - - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 20:00:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84743110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	3	3%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14382
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14382
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14382
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.1	1,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13727
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13668
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13668
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13668
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13668
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13668
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13668
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13722
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13722
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13722
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13722

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13722
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13722
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13723
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13723
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13723
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13723
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13723
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13723
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13726
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13674
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13682
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13682
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13682
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13682
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13682
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13682
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13713
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13713
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13713
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13713
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13713
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13713
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13762
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13762
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13762
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13762

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13762
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13762
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13745
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13745
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13745
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13745
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13745
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13745
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13745
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13745
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13745
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13745
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13745
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13745
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13760
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13760
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13760
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13760
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13760
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13760
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13759
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13759
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13759
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13759
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13759
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13759

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13739
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13739
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13739
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13739
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13739
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13739
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13739
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13747
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13747
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13747
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13747
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13747
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13747
RCEP B	2022	2022	0	B!D13747
RCEP B	2023	2023	0	B!E13747
RCEP B	2024	2024	0	B!F13747
RCEP B	2025	2025	0	B!G13747
RCEP B	2026	2026	0	B!H13747
RCEP B	2027	2027	0	B!I13747
RCEP C	2022	2022	0	C!D13747
RCEP C	2023	2023	0	C!E13747
RCEP C	2024	2024	0	C!F13747
RCEP C	2025	2025	0	C!G13747
RCEP C	2026	2026	0	C!H13747
RCEP C	2027	2027	0	C!I13747
RCEP D	2022	2022	0	D!D13746

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13746
RCEP D	2024	2024	0	D!F13746
RCEP D	2025	2025	0	D!G13746
RCEP D	2026	2026	0	D!H13746
RCEP D	2027	2027	0	D!I13746
RCEP E	2022	2022	0	E!D13750
RCEP E	2023	2023	0	E!E13750
RCEP E	2024	2024	0	E!F13750
RCEP E	2025	2025	0	E!G13750
RCEP E	2026	2026	0	E!H13750
RCEP E	2027	2027	0	E!I13750
RCEP F	2022	2022	0	F!D13747
RCEP F	2023	2023	0	F!E13747
RCEP F	2024	2024	0	F!F13747
RCEP F	2025	2025	0	F!G13747
RCEP F	2026	2026	0	F!H13747
RCEP F	2027	2027	0	F!I13747
VIFTA	2024	2024	1.7	VI!F12761
VIFTA	2025	2025	1.4	VI!G12761
VIFTA	2026	2026	1.1	VI!H12761
VIFTA	2027	2027	0.9	VI!I12761

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8474.31 có 2 dòng thuế; dòng 8474.31.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8474.31.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8474.31.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 8474.31.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14382), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.